

Bản án số: 371/2018/HSST  
Ngày 28/9/2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Hồng Phúc

2. Ông Phạm Khắc Mã

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Nam Thái, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Thanh Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 329/2018/TLST-HS, ngày 08 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2018/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị L**, sinh ngày 10/10/1981

Trú tại: xóm Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Phạm Thị V, sinh năm 1955; có chồng Nguyễn Văn H (đã ly hôn), có hai con (một con sinh năm 2001, một con sinh 2006) ở với mẹ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, không bị giam giữ (có mặt tại phiên tòa).

**Người bị hại:**

Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1983 (có đơn xin xử vắng mặt).

Trú tại: Bản D2, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

**Người chứng kiến:**

Đỗ Trọng T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Trú tại: xóm Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 11 tháng 5 năm 2018, Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô Honda Lead mang BKS: 20B1-59XX đến cửa hàng bán quần áo của chị Đỗ Thị H thuộc tổ G, phường TL, thành phố TH. Khi đến nơi, L gặp chị H và

anh Đỗ Trọng T. Sau đó, anh T đi khỏi cửa hàng còn L và chị H ngồi nói chuyện với nhau. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị H đi đón con, còn L ở lại cửa hàng một mình. Lợi dụng lúc chị H không ở cửa hàng nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Do L thường xuyên đến cửa hàng của chị H nên L biết chị H thường cất tiền tiết kiệm ở trong một con lợn thạch cao đặt dưới ghế để quần áo trên tầng 2 của cửa hàng. L đi đến chỗ để con lợn bằng thạch cao, dùng tay lấy con lợn ra và dùng nhíp bằng kim loại để gấp tiền thì vô ý làm rơi vỡ con lợn. L lấy toàn bộ số tiền trong đó (không kịp đếm) rồi buộc lại bằng dây chun, cất giấu vào cốp xe mô tô, còn các mảnh vỡ của con lợn thì L dọn dẹp và vứt ra đằng sau cửa hàng của chị H. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị H đón con về đến cửa hàng thì L ngồi nói chuyện với chị H khoảng 30 phút. Sau đó, L lấy xe mô tô đi về nhà tại xóm Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên và giấu số tiền đã trộm cắp được ở dưới viên gạch trong nhà vệ sinh của nhà L. Sau khi phát hiện mất tài sản, chị H đã đến Công an phường Tích Lương trình báo.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đến nhà L thu giữ và đếm số tiền bị cáo lấy của chị H được 8.940.000đ (tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng) và 05 mảnh vỡ của con lợn thạch cao. Số vật chứng nêu trên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thị H quản lý, sử dụng. Về trách nhiệm dân sự: Chị H không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 327/KSĐT- KT ngày 06/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: bị cáo khai giữa bị cáo và chị H là bạn bè với nhau từ nhỏ. Bị cáo thường đến nhà chị H để xếp đồ và bán quần áo giúp chị H. Do bị khối u ở tay, không có tiền làm xét nghiệm nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong con lợn đất của chị H. Bị cáo định lấy một ít tiền trong con lợn đất nên dùng nhíp gấp tiền nhưng do làm vỡ nên bị cáo sợ chị H biết nên đã lấy toàn bộ số tiền đó (không đếm) buộc dây chun, cho vào cốp xe máy... Khi về đến nhà bị cáo giấu số tiền đó dưới viên gạch ở nhà vệ sinh, chưa sử dụng số tiền đó. Cơ quan điều tra đến nhà, bị cáo đã lấy số tiền đó nộp lại, lúc đó mới đếm tiền được 8.940.000đ. Bị cáo ân hận về việc làm của mình. Bị cáo không có khiếu nại về thủ tục tố tụng.

Kết thúc phần xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Thị L từ 9 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết do bị hại không có yêu cầu. Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xét xem cho được hưởng án treo, để nuôi con và làm lại cuộc đời.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai nhận của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại, người chứng kiến và phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 16 giờ ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại cửa hàng bán quần áo của chị Đỗ Thị H ở tổ G, phường TL, thành phố TH, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 8.940.000 đồng của chị Đỗ Thị H. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo cần thiết phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Thị L là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, nhất thời phạm tội. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền xác nhận; bị hại có đơn xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nên cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi

cư trú rõ ràng, hiện là lao động chính, một mình nuôi hai con còn nhỏ nên có căn cứ chấp nhận lời thỉnh cầu của bị cáo và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo thành người tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 BLHS 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Chị Hoàng không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

**Vì các lẽ trên:**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015, xử phạt:

Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, 12 tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Đỗ Thị H đã nhận lại số tiền 8.940.000đ (tám triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo; kể từ ngày người bị hại nhận được bản sao bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

